

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM****NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số: 17/2014/TT-NHNN***Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2014***THÔNG TƯ****Quy định về phân loại, đóng gói, giao nhận kim khí quý, đá quý**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 40/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về nghiệp vụ phát hành tiền; bảo quản, vận chuyển tài sản quý và giấy tờ có giá trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ,

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về phân loại, đóng gói, giao nhận kim khí quý, đá quý.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định việc phân loại, đóng gói, giao nhận kim khí quý, đá quý trong ngành ngân hàng.

2. Việc bảo quản, vận chuyển, kiểm tra, kiểm kê, bàn giao, xử lý thừa thiếu kim khí quý, đá quý được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-NHNN

ngày 06/01/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước), bao gồm: Cục Phát hành và Kho quỹ, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị có liên quan khác.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là tổ chức tín dụng).

3. Đơn vị gia công vàng miếng cho Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi tắt là đơn vị gia công); doanh nghiệp được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng.

4. Tổ chức, cá nhân khác có giao nhận kim khí quý, đá quý với Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng (sau đây gọi là khách hàng).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Kim khí quý bao gồm vàng, bạc, bạch kim và các loại kim loại quý khác.

2. Đá quý bao gồm kim cương (hạt xoàn), ruby (hồng ngọc), emorot (lục bảo ngọc), saphia (bích ngọc), ngọc trai (trân châu) và các loại đá quý khác.

3. Bao bì là bao được sử dụng để ép mỗi sản phẩm vàng miếng; bao bì vàng miếng được chống giả theo quy chuẩn, tiêu chuẩn của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp được Ngân hàng Nhà nước cho phép sản xuất vàng miếng hoặc của đơn vị gia công.

Điều 4. Nguyên tắc phân loại, đóng gói, giao nhận kim khí quý, đá quý

1. Kim khí quý, đá quý phải được phân loại, sắp xếp, đóng gói, niêm phong theo trật tự danh mục để thuận tiện khi bảo quản, xuất nhập, kiểm tra, kiểm kê. Việc phân loại, kiểm định, đóng gói, giao nhận được thực hiện lần lượt đối với từng khách hàng, đơn vị, theo từng loại, từng phân loại; kiểm nhận, đóng gói xong phân loại, loại này mới được nhận sang phân loại, loại khác; giao nhận xong hiện vật của khách hàng, đơn vị này mới giao nhận đến hiện vật của khách hàng, đơn vị khác để tránh nhầm lẫn.

2. Nơi phân loại, kiểm định, đóng gói, giao nhận kim khí quý, đá quý phải thuận tiện, an toàn; trang bị các dụng cụ, phương tiện đảm bảo độ chính xác cần thiết cho công tác kiểm định, đóng gói, niêm phong.

3. Khi giao nhận kim khí quý, đá quý phải căn cứ theo các giấy tờ hợp pháp, hợp lệ; số liệu trên giấy tờ phải khớp đúng với hiện vật. Quá trình giao nhận phải thực hiện đầy đủ các quy định về phân loại, kiểm định, đóng gói và niêm phong.

4. Việc xác định số lượng, khối lượng, chất lượng và kích cỡ các loại kim khí quý, đá quý phải cụ thể và chính xác.

Chương II

PHÂN LOẠI VÀ ĐÓNG GÓI KIM KHÍ QUÝ, ĐÁ QUÝ

Điều 5. Danh mục phân loại

Kim khí quý, đá quý được phân thành các danh mục sau: Loại, phân loại hoặc phân loại chất lượng.

1. Loại: Vàng, bạc, bạch kim, kim cương, ruby, emorot, saphia, ngọc trai, các kim khí quý, đá quý khác theo quy định của pháp luật.

2. Phân loại:

a) Vàng được phân loại như sau:

- Vàng trang sức, mỹ nghệ là các sản phẩm vàng có hàm lượng từ 8 Kara (tương đương 33,33%) trở lên, đã qua gia công, chế tác để phục vụ nhu cầu trang sức, trang trí mỹ thuật;

- Vàng miếng là vàng được dập thành miếng, có đóng chữ, số chỉ khối lượng, chất lượng và ký mã hiệu của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước cho phép sản xuất hoặc vàng miếng do Ngân hàng Nhà nước tổ chức sản xuất trong từng thời kỳ;

- Vàng nguyên liệu là vàng dưới dạng khối, thỏi, hạt, miếng và các loại vàng khác.

b) Các loại kim khí quý khác được phân loại như sau:

- Kim khí quý trang sức, mỹ nghệ là các sản phẩm kim khí quý đã qua gia công, chế tác để phục vụ nhu cầu trang sức, trang trí mỹ thuật;

- Kim khí quý nguyên liệu là kim khí quý dưới dạng khối, thỏi, hạt, miếng và các loại kim khí quý khác.

3. Phân loại chất lượng: Các loại hoặc phân loại trên lại được phân theo chất lượng.

a) Kim khí quý: Phân theo hàm lượng kim loại quý trên 75%; từ 30% đến 75%; dưới 30%;

b) Đá quý: Phân thành loại I, loại II, loại III, loại IV.

Điều 6. Xác định số lượng, khối lượng, kích cỡ, chất lượng kim khí quý, đá quý

1. Xác định số lượng:

a) Loại đếm được: đếm theo đơn vị thỏi, lá, cái, viên, miếng, mảnh;

b) Loại không đếm được (dạng cốm, hạt, bột): xác định theo món, gói.

2. Xác định khối lượng, kích cỡ:

a) Các loại kim khí quý: Xác định khối lượng theo đơn vị đo pháp định là kilôgam (kg), gam (g), miligam (mg) hoặc lượng, đồng cân (chỉ), phân.

$$1 \text{ phân} = \frac{1}{10} \text{ chỉ} = \frac{1}{100} \text{ lượng} = 0,375 \text{ mg}$$

b) Các loại đá quý: Xác định khối lượng theo carat (ct), 01ct = 0,2 g = 200 mg; xác định đường kính, kích cỡ ngọc trai theo milimét (mm);

c) Các loại đồ trang sức hoặc đồ mỹ nghệ có gắn đá quý làm cho giá trị của đồ vật tăng lên so với giá trị đồ vật sau khi tách rời thân ra khỏi đá quý; khi kiểm nhận phải giữ nguyên hình dạng và cân khối lượng chung của đồ vật, sau đó xác định khối lượng của từng bộ phận (nếu có thể được).

3. Xác định chất lượng:

a) Các loại kim khí quý: Xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) nguyên chất kim loại quý;

b) Các loại đá quý: Xác định chất lượng căn cứ vào thành phần hóa học, giá trị sử dụng để phân ra loại I, loại II, loại III, loại IV theo TCVN 5855:1994, Đá quý - Thuật ngữ và phân loại.

4. Phương tiện, dụng cụ cân, đo được sử dụng để xác định khối lượng, kích cỡ kim loại quý, đá quý phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Có phạm vi đo, độ chính xác phù hợp với giới hạn sai số của kết quả phép đo do cơ quan quản lý nhà nước về đo lường quy định hoặc do tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu kim khí quý, đá quý đó công bố;

b) Đã được kiểm định hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường. Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn phải còn thời hạn giá trị.

Điều 7. Đóng gói, niêm phong

1. Các loại kim khí quý, đá quý (trừ vàng miếng quy định tại Khoản 3 Điều này) được đóng gói trong túi nilon và ghim (hoặc khâu, dán) miệng túi, ngoài túi phải gói bằng hai lớp giấy dày, bền chắc. Riêng đối với các loại đá quý, đồ trang sức và đồ mỹ nghệ phải được lót bông, vải hoặc giấy mềm và đựng trong hộp cứng để đề phòng sập sứt, hư hỏng.

Đồ trang sức và đồ mỹ nghệ phải được đóng gói từng chiếc hoặc từng bộ. Nếu giống nhau về chất lượng và khối lượng thì đóng gói 10 chiếc thành 1 bộ, 10 bộ thành 1 gói.

Trong gói hoặc hộp phải có phiếu kiểm định, bảng kê, ngoài gói hoặc hộp phải niêm phong; trên niêm phong ghi rõ: Loại, phân loại, số lượng, khối lượng, chất

lượng, họ tên và chữ ký của tổ trưởng tổ giao nhận (sau đây gọi tắt là tổ trưởng), thủ kho tiền, ngày, tháng, năm đóng gói, niêm phong.

2. Một hoặc nhiều gói, hộp cùng loại, phân loại và cùng chất lượng đóng vào một hộp gỗ, hoặc hộp tôn, hoặc hộp kim loại không gỉ, có niêm phong, kẹp chì. Trên niêm phong hộp phải ghi rõ số lượng gói, hộp; khối lượng và chất lượng của các gói, hộp; họ tên và chữ ký của tổ trưởng và thủ kho tiền; ngày, tháng, năm đóng gói, niêm phong.

3. Vàng miếng cùng khối lượng, chất lượng, ký mã hiệu sau khi kiểm nhận phải được đóng vào hộp hoặc túi nilon trong suốt theo lô, mỗi lô gồm 100 hoặc bội số của 100, tối đa là 500 miếng (trường hợp vàng miếng không đủ lô được đóng gói vào hộp hoặc túi nilon tương tự như đối với vàng miếng đủ lô và ghi rõ số lượng vàng miếng trên niêm phong).

Hộp đựng vàng miếng là loại hộp bằng kim loại không gỉ, kích thước phù hợp với số lượng vàng theo lô, trong lót vải nhung, cạnh mặt trên của hộp có 02 khuy để thuận tiện cho việc khóa, niêm phong, kẹp chì.

Trong mỗi hộp hoặc túi phải có bảng kê số hiệu, ký hiệu của các miếng vàng trong hộp hoặc túi. Ngoài hộp hoặc túi được niêm phong, trên niêm phong ghi đầy đủ các yếu tố theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Thủ kho tiền ghi số hiệu trên từng gói hoặc hộp, số hiệu được theo dõi trên thẻ kho và sổ theo dõi.

Chương III

GIAO NHẬN KIM KHÍ QUÝ, ĐÁ QUÝ

Mục 1

TỔ CHỨC GIAO NHẬN

Điều 8. Tổ giao nhận

1. Việc phân loại, kiểm định, đóng gói, giao nhận kim khí quý, đá quý phải do tổ giao nhận thực hiện.

2. Thẩm quyền thành lập tổ giao nhận:

a) Tại Ngân hàng Nhà nước:

- Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ quyết định thành lập tổ giao nhận của kho tiền Trung ương tại Hà Nội (kho tiền I);

- Chi cục trưởng Chi cục Phát hành và Kho quỹ quyết định thành lập tổ giao nhận của kho tiền Trung ương tại thành phố Hồ Chí Minh (kho tiền II);

- Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập tổ giao nhận tại đơn vị mình.

b) Tại tổ chức tín dụng: Tổ chức tín dụng quyết định thành lập tổ giao nhận tại đơn vị mình.

3. Thành phần tổ giao nhận gồm:

a) Tổ trưởng;

b) Thợ kỹ thuật về kim khí quý, đá quý (khi nhận theo hình thức kiểm định hiện vật). Trường hợp Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng không có thợ kỹ thuật chuyên trách về kim khí quý, đá quý thì có thể thuê thợ kỹ thuật để kiểm định. Thợ kỹ thuật phải được đào tạo nghiệp vụ kiểm định kim khí quý, đá quý;

c) Thủ kho tiền;

d) Nhân viên ghi chép và lập biên bản. Trường hợp không bố trí nhân viên ghi chép và lập biên bản riêng thì việc ghi chép và lập biên bản giao nhận do một trong ba thành phần của tổ giao nhận quy định tại điểm a, b, c Khoản này thực hiện.

Điều 9. Trách nhiệm của các thành viên tổ giao nhận

1. Tổ trưởng chịu trách nhiệm chung về nhiệm vụ được giao trước cấp có thẩm quyền ra quyết định thành lập tổ giao nhận; trực tiếp hướng dẫn và tổ chức đảm bảo an toàn tài sản trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của tổ giao nhận.

2. Thợ kỹ thuật có trách nhiệm đảm bảo phân loại, xác định chất lượng, khối lượng, kích cỡ các loại kim khí quý, đá quý chính xác.

3. Thủ kho tiền có trách nhiệm trực tiếp đóng gói, niêm phong các loại kim khí quý, đá quý.

4. Nhân viên ghi chép và lập biên bản phải có trách nhiệm ghi chép và lập biên bản giao nhận đầy đủ, rõ ràng, chính xác.

5. Các thành viên tổ giao nhận có trách nhiệm giữ bí mật về tài sản, số liệu và thực hiện theo đúng quy trình giao nhận kim khí quý, đá quý quy định tại Thông tư này.

Mục 2

QUY TRÌNH GIAO NHẬN KIM KHÍ QUÝ, ĐÁ QUÝ

Điều 10. Hình thức giao nhận

1. Căn cứ tình hình và yêu cầu cụ thể của từng trường hợp giao nhận hoặc theo đề nghị của bên giao để thống nhất thực hiện giao nhận kim khí quý, đá quý theo hình thức kiểm định hiện vật hoặc theo hình thức nguyên niêm phong.

2. Việc giao nhận vàng miếng, vàng nguyên liệu được thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương III Thông tư này.

Điều 11. Quy trình nhận kim khí quý, đá quý theo hình thức kiểm định hiện vật

1. Bước 1. Người giao nộp hiện vật kèm theo các giấy tờ hợp pháp, hợp lệ và lập bảng kê theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Tổ trưởng thực hiện kiểm soát đầy đủ giấy tờ hợp lệ, hợp pháp đối với tài sản, gồm:

a) Lệnh xuất kho của cấp có thẩm quyền đơn vị giao trong trường hợp nhận kim khí quý, đá quý trong cùng hệ thống Ngân hàng Nhà nước; giữa Ngân hàng Nhà nước với tổ chức tín dụng và ngược lại; giữa các tổ chức tín dụng với nhau;

b) Các giấy tờ theo hồ sơ tín dụng trong trường hợp nhận kim khí quý, đá quý của khách hàng dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay;

c) Hợp đồng bảo quản trong trường hợp nhận kim khí quý, đá quý của khách hàng khi làm dịch vụ bảo quản tài sản;

d) Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, hồ sơ liên quan tới tài sản trong trường hợp nhận kim khí quý, đá quý gửi vào kho Ngân hàng Nhà nước.

2. Bước 2. Tổ trưởng nhận số lượng hiện vật lần lượt từng loại theo bảng kê, nhận hết loại này mới nhận đến loại khác.

3. Bước 3. Tổ trưởng giao lần lượt từng hiện vật theo bảng kê cho thợ kỹ thuật, thợ kỹ thuật sử dụng các phương tiện, dụng cụ cân, đo để phân loại, xác định khối lượng, chất lượng và kích cỡ các loại kim khí quý, đá quý đảm bảo chính xác theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này và ghi các thông tin về tên, số hiệu, phạm vi đo, độ chính xác, ngày, tháng, năm kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn của các phương tiện, dụng cụ cân, đo vào biên bản giao nhận.

Thợ kỹ thuật kiểm tra chất lượng từng hiện vật xong phải ký, ghi rõ họ tên trên phiếu ghi kết quả kiểm định của từng hiện vật. Phiếu kiểm định lập thành hai liên, một liên đính kèm hiện vật khi đóng gói, một liên giao cho kế toán cùng các chứng từ giao nộp. Trên phiếu kiểm định phải ghi đầy đủ các yếu tố: tên hiện vật, khối lượng, chất lượng, kích cỡ, ngày, tháng, năm kiểm định.

Khi kiểm định, nếu thợ kỹ thuật phát hiện ra hiện vật nào không phải là kim khí quý, đá quý, phải giao lại hiện vật đó cho tổ trưởng kèm theo phiếu kiểm định để trả lại hiện vật cho người giao và phải ghi rõ trong biên bản giao nhận.

4. Bước 4. Sau khi xác định xong khối lượng, chất lượng và kích cỡ của từng loại, phân loại kim khí quý, đá quý, thợ kỹ thuật chuyển phiếu kiểm định sang cho nhân viên ghi chép biên bản. Trường hợp có chênh lệch về số lượng, chất lượng,

khối lượng, kích cỡ kim khí quý, đá quý so với bảng kê của người giao quy định tại Khoản 1 Điều này, nhân viên ghi chép biên bản lập bảng kê gồm hai liên theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và căn cứ vào phiếu kiểm định để ghi kết quả vào bảng kê. Trường hợp không có chênh lệch về số lượng, chất lượng, khối lượng, kích cỡ kim khí quý, đá quý so với bảng kê của người giao quy định tại Khoản 1 Điều này, nhân viên ghi chép biên bản lập thêm một liên bảng kê với nội dung và số liệu như bảng kê của người giao. Bảng kê phải có chữ ký của tổ trưởng và chữ ký xác nhận của thợ kỹ thuật. Một liên bảng kê giao cho thủ kho tiền cùng với hiện vật để kiểm soát lại khi đóng gói; một liên bảng kê giao nhân viên ghi chép biên bản để lập biên bản giao nhận theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Bước 5. Thợ kỹ thuật kiểm tra lại số liệu ghi trên bảng kê và hiện vật rồi chuyển từng loại sang cho thủ kho tiền. Thủ kho tiền phải kiểm tra lại trước khi đóng gói, niêm phong. Việc phân loại danh mục, đóng gói, niêm phong được quy định tại Điều 5, Điều 7 Thông tư này.

6. Bước 6. Sau khi nhận và niêm phong xong hiện vật của người giao, tổ giao nhận kiểm tra lại số liệu trên các bảng kê với các gói, hộp hiện vật đã niêm phong. Căn cứ vào biên bản giao nhận và phiếu nhập kho của kế toán, thủ kho tiền ghi số hiệu lên từng gói, hộp theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 Thông tư này trước khi đưa vào bảo quản trong kho.

Điều 12. Quy trình nhận kim khí quý, đá quý theo hình thức nguyên niêm phong

1. Tổ trưởng thực hiện kiểm soát đầy đủ giấy tờ hợp pháp, hợp lệ đối với tài sản nhận như quy định tại Khoản 1 Điều 11 Thông tư này. Người giao hiện vật theo niêm phong phải có bảng kê chi tiết các hiện vật, tên từng hiện vật; số lượng, chất lượng và khối lượng của hiện vật (nếu xác định được).

2. Tổ giao nhận chứng kiến và hướng dẫn người giao tự đóng gói, hộp, niêm phong các hiện vật. Trong gói, hộp có bảng kê và biên bản giao nhận kèm theo. Biên bản giao nhận lập theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, có ghi rõ nhận theo gói, hộp niêm phong. Niêm phong ghi rõ: đơn vị giao, người giao, họ tên, chữ ký của người đóng gói, hộp niêm phong (thuộc bên giao); ngày, tháng, năm giao, người giao ký.

Người có tên trên niêm phong chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng và khối lượng hiện vật trong gói, hộp đã niêm phong. Đơn vị nhận theo gói, hộp nguyên niêm phong không chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng và khối lượng hiện vật trong gói, hộp đã niêm phong.

Điều 13. Biên bản giao nhận

1. Việc giao nhận phải được lập thành biên bản giao nhận theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Biên bản giao nhận được lập thành bốn bản: một bản người giao hiện vật giữ để làm chứng từ biên nhận; một bản giao cho kế toán kèm theo các chứng từ giao nộp; một bản giao cho thủ kho tiền; một bản để kèm vào gói hiện vật (nếu nhận theo niêm phong).

Điều 14. Bảo quản kim khí quý, đá quý trong quá trình nhận

Cuối mỗi buổi, mỗi ngày làm việc, nếu chưa kiểm nhận xong thì tất cả kim khí quý, đá quý phải được bảo quản trong túi hoặc hộp, đưa vào trong hòm sắt có khóa và niêm phong. Người giao đóng gói và niêm phong toàn bộ số tài sản của mình cùng với bảng kê tài sản theo sự hướng dẫn và chứng kiến của tổ giao nhận. Trên niêm phong có chữ ký của người giao, người đóng gói và hiện vật phải được đưa vào bảo quản trong kho tiền. Tổ trưởng viết giấy biên nhận, có đầy đủ chữ ký của tổ trưởng, thủ kho tiền, kế toán, cấp có thẩm quyền của đơn vị nhận và đưa cho người giao.

Khi nhận lại gói, hộp hiện vật để kiểm nhận tiếp, người giao phải kiểm tra lại niêm phong. Nếu đúng thì trả lại giấy biên nhận cho tổ trưởng để hủy bỏ và tiếp tục kiểm nhận.

Điều 15. Giao kim khí quý, đá quý đã kiểm định

1. Khi giao kim khí quý, đá quý phải có đầy đủ các loại giấy tờ sau:

- a) Lệnh xuất kho của cấp có thẩm quyền Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng;
- b) Phiếu xuất kho;
- c) Giấy giới thiệu, giấy ủy quyền của người nhận, đơn vị nhận (nếu nhận thay);
- d) Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người nhận.

2. Căn cứ vào phiếu xuất kho, thủ kho tiền phải lập bảng kê số hiện vật xuất kho theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và ghi sổ theo dõi, ghi thẻ kho rồi mới đem hiện vật ra giao. Trước khi mở gói, hộp hiện vật, các thành viên xuất kho phải kiểm tra lại niêm phong; trường hợp còn nguyên niêm phong thì thực hiện mở gói, hộp; trường hợp không còn nguyên niêm phong thì báo cáo cấp có thẩm quyền của đơn vị mình xem xét xử lý theo quy định và thủ kho tiền chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng và khối lượng hiện vật trong gói, hộp đó. Sau khi mở gói, hộp, phải căn cứ vào biên bản giao nhận, phiếu kiểm định hiện vật và bảng kê cũ để đối chiếu lại số lượng, khối lượng, chất lượng cho khớp đúng rồi mới tiến hành xuất theo phiếu xuất kho. Khi xuất kho phải lập biên bản giao nhận theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp xuất chưa hết số hiện vật trong gói, hộp thì số hiện vật còn lại là chênh lệch giữa số liệu nhập

kho ban đầu với số liệu xuất kho lần này. Số hiện vật còn lại sẽ được đóng gói, niêm phong kèm theo bảng kê nhập kho ban đầu và bảng kê xuất kho lần này. Thẻ kho vẫn giữ nguyên số hiệu cũ.

Điều 16. Giao kim khí quý, đá quý theo gói, hộp nguyên niêm phong

1. Khi xuất giao hiện vật theo nguyên gói, hộp niêm phong phải có các giấy tờ theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Thông tư này, biên bản giao nhận và hợp đồng bảo quản (nếu có) đã nhận trước đây. Đối với tài sản gửi vào kho Ngân hàng Nhà nước phải có các giấy tờ theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Thông tư này, biên bản giao nhận và văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với tài sản đó.

2. Khi giao hiện vật phải lập biên bản giao nhận theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và xuất nguyên gói, hộp theo biên bản giao nhận đã nhận lần trước.

Trường hợp bên nhận chỉ nhận một phần trong gói, hộp thì phải làm thủ tục giao trả gọn gói, hộp, sau đó làm thủ tục nhận phần còn lại theo gói, hộp nguyên niêm phong mới.

3. Việc mở gói, hộp niêm phong phải do chính người có tên trên niêm phong hoặc người được ủy quyền thực hiện.

Trước khi giao, bên giao yêu cầu bên nhận kiểm tra kỹ niêm phong và bên ngoài gói, hộp. Sau khi giao, bên nhận phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về số lượng, chất lượng tài sản trong gói, hộp. Nếu thấy cần thiết, bên nhận có quyền mời cơ quan chức năng đến giám định niêm phong và tình trạng bên ngoài gói, hộp trước khi mở gói, hộp niêm phong.

Trường hợp niêm phong bị mất hoặc rách, mờ, không xác định được nội dung ghi trên niêm phong thì hai bên cùng thống nhất cách thức xử lý hoặc mời đại diện cơ quan chức năng đến giám định.

Mục 3

GIAO NHẬN VÀNG MIẾNG, VÀNG NGUYÊN LIỆU

Điều 17. Nhận vàng miếng, vàng nguyên liệu

1. Ngân hàng Nhà nước nhận vàng miếng mua của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng (sau đây gọi tắt là tổ chức tín dụng, doanh nghiệp) theo văn bản xác nhận giao dịch mua, bán vàng miếng giữa Ngân hàng Nhà nước với tổ chức tín dụng, doanh nghiệp; thực hiện kiểm đếm, nhận và ghi số sê ri theo miếng nguyên bao bì của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp được Ngân hàng Nhà nước cho phép sản xuất và đơn vị gia công.

Tổ chức tín dụng, doanh nghiệp vẫn tiếp tục chịu trách nhiệm với Ngân hàng Nhà nước về chất lượng, khối lượng vàng miếng đã bán cho Ngân hàng Nhà nước cho đến khi Ngân hàng Nhà nước bán hoặc kiểm định đạt chất lượng đối với số vàng này.

Trường hợp cần thiết phải tổ chức kiểm định lại chất lượng vàng sau khi kiểm đếm và đã nhận theo miếng nguyên bao bì, Ngân hàng Nhà nước tự tổ chức thực hiện hoặc thuê tổ chức khác kiểm định; việc kiểm định phải có sự chứng kiến của người đại diện tổ chức tín dụng, doanh nghiệp giao vàng. Trường hợp tổ chức tín dụng, doanh nghiệp giao vàng không cử người chứng kiến, phải có thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước và chấp nhận kết quả kiểm định.

2. Ngân hàng Nhà nước nhận sản phẩm vàng miếng gia công từ vàng nguyên liệu theo hợp đồng gia công vàng miếng giữa Ngân hàng Nhà nước với đơn vị gia công thực hiện kiểm đếm và nhận theo miếng nguyên bao bì của đơn vị gia công.

3. Ngân hàng Nhà nước nhận vàng nguyên liệu theo hợp đồng nhập khẩu (trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước trực tiếp nhập khẩu) hoặc giấy tờ khác theo quy định (trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước không trực tiếp nhập khẩu) thực hiện nhận theo gói, kiện nguyên niêm phong của nhà sản xuất.

4. Khi nhận vàng miếng, vàng nguyên liệu đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ trưởng phải thực hiện kiểm soát đầy đủ giấy tờ hợp pháp, hợp lệ đối với tài sản. Các giấy tờ bao gồm: văn bản xác nhận giao dịch mua, bán vàng miếng giữa Ngân hàng Nhà nước với tổ chức tín dụng, doanh nghiệp; giấy ủy quyền của cấp có thẩm quyền đơn vị giao; chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người giao và các giấy tờ cần thiết khác.

5. Khi nhận vàng miếng, vàng nguyên liệu đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này phải lập biên bản giao nhận theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 18. Giao vàng miếng, vàng nguyên liệu

1. Ngân hàng Nhà nước giao vàng miếng cho tổ chức tín dụng, doanh nghiệp theo văn bản xác nhận giao dịch mua, bán vàng miếng giữa Ngân hàng Nhà nước với tổ chức tín dụng, doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước thực hiện giao và tổ chức tín dụng, doanh nghiệp tổ chức kiểm đếm và nhận vàng theo miếng nguyên bao bì của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp được Ngân hàng Nhà nước cho phép sản xuất và đơn vị gia công, ưu tiên giao vàng miếng do chính tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đã bán cho Ngân hàng Nhà nước trước đây.

2. Ngân hàng Nhà nước giao vàng nguyên liệu cho đơn vị gia công để gia công thành vàng miếng theo hợp đồng gia công vàng miếng giữa Ngân hàng Nhà nước với đơn vị gia công thực hiện giao theo gói, kiện nguyên niêm phong của nhà sản xuất.

Đơn vị gia công kiểm tra khối lượng và kiểm định chất lượng vàng nguyên liệu do Ngân hàng Nhà nước giao để gia công thành vàng miếng dưới sự chứng kiến và giám sát của Ngân hàng Nhà nước.

3. Ngân hàng Nhà nước giao vàng nguyên liệu theo hợp đồng xuất khẩu (hoặc ủy thác xuất khẩu) giữa Ngân hàng Nhà nước với đối tác nước ngoài được thực hiện theo quy định của hợp đồng.

4. Khi giao vàng miếng, vàng nguyên liệu đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này phải có đầy đủ các giấy tờ theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Thông tư này và văn bản xác nhận giao dịch mua, bán vàng miếng giữa Ngân hàng Nhà nước với tổ chức tín dụng, doanh nghiệp.

5. Khi giao vàng miếng, vàng nguyên liệu đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này phải lập biên bản giao nhận theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV

TỔ CHỨC THI HÀNH

Điều 19. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Cục Phát hành và Kho quỹ có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện việc giao nhận vàng miếng, vàng nguyên liệu của Ngân hàng Nhà nước tại kho tiền I theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Thông tư này;

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện thủ tục hải quan, thủ tục nhận vàng nhập khẩu của Ngân hàng Nhà nước theo hợp đồng và bộ chứng từ giao dịch giữa Ngân hàng Nhà nước với đối tác nước ngoài tại sân bay, bến cảng, nhà ga;

c) Hướng dẫn quy trình giao, nhận vàng miếng theo miếng nguyên bao bì và giao, nhận vàng nguyên liệu theo hình thức nguyên niêm phong tại Ngân hàng Nhà nước;

d) Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Chi cục Phát hành và Kho quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc giao nhận vàng miếng, vàng nguyên liệu của Ngân hàng Nhà nước tại kho tiền II theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Thông tư này và thực hiện theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này.

3. Vụ Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm hướng dẫn kiểm soát việc tổ chức thực hiện trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước.

Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng

1. Tổ chức tín dụng căn cứ TCVN 5855:1994, Đá quý - Thuật ngữ và phân loại, các TCVN sửa đổi, bổ sung, thay thế TCVN 5855:1994 (nếu có) và các quy định tại Thông tư này để ban hành quy trình nội bộ và tổ chức thực hiện việc phân loại, đóng gói, giao nhận kim khí quý, đá quý trong hệ thống của mình.

2. Tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng căn cứ quy định tại Thông tư này để ban hành quy trình nội bộ và tổ chức thực hiện việc giao nhận vàng miếng trong hệ thống của mình; tổ chức thực hiện giao nhận vàng miếng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng theo quy định tại Thông tư này và quy trình nội bộ.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2014.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các văn bản sau hết hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 78/2000/QĐ-NHNN6 ngày 06/3/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế phân loại, kiểm định, đóng gói, giao nhận kim khí quý, đá quý trong ngành Ngân hàng;

b) Thông tư số 05/2013/TT-NHNN ngày 08/3/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phân loại, kiểm định, đóng gói, giao nhận kim khí quý, đá quý trong ngành Ngân hàng ban hành theo Quyết định số 78/2000/QĐ-NHNN6 ngày 06/3/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 22. Trách nhiệm tổ chức thi hành

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ, Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này./.

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

Đào Minh Tú

Phụ lục I
MẪU BẢNG KÊ KIM KHÍ QUÝ, ĐÁ QUÝ
(Kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-NHNN ngày 01 tháng 8 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước)

TÊN CQ CHỦ QUẢN TRỰC TIẾP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN ĐƠN VỊ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

BẢNG KÊ NỘP/TRẢ
CÁC LOẠI KIM KHÍ QUÝ, ĐÁ QUÝ
Ngày..... tháng..... năm.....

Họ và tên người giao/nhận:.....
 Đơn vị:
 Địa chỉ:
 Nội dung nộp/trả:

STT	Tên hiện vật/ Loại/phân loại/ phân loại chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng	Kích cỡ	Chất lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Cộng					

Người giao/nhận
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người nhận/trả
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Trường hợp nhận kim khí quý, đá quý theo hình thức kiểm định hiện vật, bảng kê phải có chữ ký xác nhận của thợ kỹ thuật theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Thông tư.
- Tùy vào loại/phân loại/phân loại chất lượng kim khí quý, đá quý theo quy định tại Điều 5 Thông tư để ghi số liệu phù hợp vào các cột từ (4) đến (7).

Phụ lục II
MẪU BIÊN BẢN GIAO NHẬN

*(Kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-NHNN ngày 01 tháng 8 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước)*

TÊN CQ CHỦ QUẢN TRỰC TIẾP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN ĐƠN VỊ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB

BIÊN BẢN GIAO NHẬN
Nhập...(1)... từ...(2)

Hôm nay, ngày/tháng/năm..... tại.....(3).....

Lý do, căn cứ giao, nhận (theo quyết định/lệnh).....

Bên giao:

- Ông (bà):..... Chức vụ:.....

- Đơn vị:.....

- Địa chỉ:

- Giấy ủy quyền số:.....

- Số CMND/Hộ chiếu

Bên nhận:

- Ông (bà) Chức vụ..... Số CMND/Hộ chiếu.....

- Ông (bà) Chức vụ..... Số CMND/Hộ chiếu.....

- Ông (bà) Chức vụ..... Số CMND/Hộ chiếu.....

Đã giao nhận tổng số (bằng chữ):.....

Gồm các loại:

STT	Tên hiện vật	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng	Kích cỡ	Chất lượng	Ghi chú
(I)	(II)	(III)	(IV)	(V)	(VI)	(VII)	(VIII)
	Cộng						

Hình thức giao nhận:.....(4).....
 Các nội dung khác:.....(5).....

Người giao
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Tổ trưởng tổ giao nhận
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Thợ kỹ thuật
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ kho tiền
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị nhận
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(*) Mẫu này áp dụng trong trường hợp nhận kim khí quý, đá quý. Trường hợp giao kim khí quý, đá quý lập Biên bản giao nhận xuất...(1)... giao...(2)... và thành phần ký tên trên biên bản giao nhận lần lượt là: người nhận, thủ kho tiền, kế toán, Thủ trưởng đơn vị giao.

(**) Tùy vào loại/phân loại/phân loại chất lượng kim khí quý, đá quý theo quy định tại Điều 5 Thông tư để ghi số liệu phù hợp vào các cột từ (IV) đến (VII).

(1) Ghi rõ tên/loại kim khí quý, đá quý nhập/xuất.

(2) Ghi rõ tên đơn vị giao/nhận kim khí quý, đá quý.

(3) Địa điểm giao nhận.

(4) Kiểm định hiện vật hoặc nguyên niêm phong.

(5) Trong trường hợp nhận kim khí quý, đá quý theo hình thức kiểm định hiện vật: ghi rõ chênh lệch số lượng, chất lượng, khối lượng, kích cỡ kim khí quý, đá quý so với bảng kê nộp của người giao; hiện vật không phải là kim khí quý, đá quý trả lại cho người giao; phương pháp kiểm định và tên, số hiệu, phạm vi đo, độ chính xác, ngày, tháng, năm kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn của các phương tiện, dụng cụ cân, đo được sử dụng để thực hiện phân loại, xác định khối lượng, chất lượng, kích cỡ các loại kim khí quý, đá quý.